

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án “Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường (giai đoạn I)”

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 27 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1103/QĐ-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin”;

Căn cứ Quyết định số 3067/QĐ-BTNMT ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin”;

Căn cứ Quyết định số 1024/QĐ-BTNMT ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường (Giai đoạn I)”;

Căn cứ Quyết định số 1876/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 6508/BTNMT-KHTC ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường tại Tờ trình số 09/TTr-CNTT ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc phê duyệt

dự án “Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường (Giai đoạn I)” kèm theo hồ sơ liên quan;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án “Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường (Giai đoạn I)”, với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường (Giai đoạn I)

2. Chủ đầu tư: Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường

3. Tổ chức tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Trung tâm Kiểm định sản phẩm công nghệ thông tin

4. Mục tiêu đầu tư:

4.1. Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin, hạ tầng dữ liệu số về tài nguyên và môi trường với giải pháp công nghệ hiện đại, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, cung cấp đầy đủ dữ liệu cần thiết phục vụ chỉ đạo điều hành của Chính phủ, của Bộ Tài nguyên và Môi trường, ngành tài nguyên và môi trường; thay đổi phương thức làm việc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ; phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh; cung cấp dịch vụ công chất lượng cao, nhanh chóng tin cậy về tài nguyên và môi trường phục vụ người dân và doanh nghiệp.

4.2. Mục tiêu cụ thể:

- Hoàn thiện hành lang pháp lý phục vụ thu nhận, tạo lập, quản lý, kết nối, chia sẻ toàn diện nguồn tài nguyên số về tài nguyên và môi trường.

- Xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương, đồng bộ, đa mục tiêu và kết nối liên thông để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai, quản trị các giao dịch về đất đai, quản lý việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giá đất cũng như giải quyết tranh chấp về đất đai... để từ đó tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao.

- Cơ bản hoàn thiện các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quốc gia các lĩnh vực tài nguyên và môi trường quan trọng, cấp bách tạo nền tảng Chính phủ điện tử được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên toàn quốc; đảm bảo an toàn, an ninh; phục vụ cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp; góp phần phát triển Chính phủ điện tử tiến tới Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng.

- Xây dựng, hoàn thiện các nền tảng quản trị, tích hợp, kết nối, liên thông, chia sẻ và khai thác sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường trên nền tảng dữ

liệu lớn, cung cấp được các sản phẩm tri thức cho cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và người dân thông qua các kênh thông tin hiện đại, trực tuyến. Ưu tiên các cơ sở dữ liệu quốc gia mang tính nền tảng, nhu cầu khai thác sử dụng lớn: nền địa lý, đất đai, khí tượng thủy văn, môi trường...

- Vận hành Cổng dữ liệu và dữ liệu mở về tài nguyên và môi trường.

5. Quy mô và nội dung đầu tư:

5.1. Xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý phục vụ thu nhận, tạo lập, quản lý, kết nối, chia sẻ toàn diện nguồn tài nguyên số về tài nguyên và môi trường

- Xây dựng, hoàn thiện mô hình cơ sở dữ liệu (CSDL) các lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Xây dựng, hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật về thu thập, thu nhận, quản lý, công bố, cung cấp, chia sẻ, khai thác sử dụng thông tin dữ liệu.

- Xây dựng, hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật về bảo đảm bảo mật, an toàn, an ninh thông tin.

- Xây dựng quy chế vận hành khai thác hệ thống CSDL tài nguyên và môi trường.

5.2. Xây dựng Hệ thống thông tin đất đai quốc gia (MPLIS); hạ tầng số, kết nối, an toàn thông tin cho CSDL đất đai quốc gia tập trung, thống nhất trên cơ sở kế thừa tối đa các nền tảng dùng chung; hạ tầng dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã được đầu tư ở các chương trình, dự án khác đang thực hiện, bảo đảm không trùng lặp, lãng phí

- Xây dựng Hệ thống thông tin đất đai quốc gia với các phân hệ lõi, quan trọng đảm bảo điều kiện quản lý, vận hành, kết nối chia sẻ dữ liệu đất đai với các nhóm nghiệp vụ: quản lý đất đai ở Trung ương, quản lý đất đai ở địa phương; giao dịch điện tử về đất đai; quản lý, vận hành, kết nối và chia sẻ dữ liệu quốc gia về đất đai.

- Triển khai kết nối, tích hợp CSDL đất đai ở địa phương CSDL đất đai quốc gia cho 450 huyện thuộc 63 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

- + Xây dựng bộ công cụ chuyển đổi, tích hợp CSDL đất đai của địa phương vào CSDL đất đai của địa phương trong Hệ thống thông tin đất đai quốc gia.

- + Xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật phục vụ chuyển đổi, tích hợp CSDL đất đai của địa phương vào CSDL đất đai của địa phương trong Hệ thống thông tin đất đai quốc gia.

- + Đồng bộ, tích hợp CSDL đất đai của địa phương vào CSDL đất đai quốc gia.

- Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin bảo đảm quản trị, vận hành hệ thống CSDL đất đai quốc gia tập trung, thống nhất trên phạm vi cả nước bảo đảm an toàn thông tin cấp độ 4.

- Đào tạo, chuyển giao công nghệ về quản trị, vận hành Hệ thống thông tin đất đai quốc gia.

+ Triển khai thử nghiệm tại 03 tỉnh.

+ Xây dựng quy định kỹ thuật, cơ chế chính sách phục vụ triển khai, vận hành Hệ thống thông tin đất đai quốc gia: Xây dựng quy chế quản lý, sử dụng, chia sẻ, khai thác Hệ thống thông tin đất đai quốc gia; Xây dựng quy chế đảm bảo an toàn thông tin cho Hệ thống thông tin đất đai quốc gia.

+ Tổ chức đào tạo, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ kỹ thuật cho 63 địa phương và Trung ương.

5.3. Xây dựng, hoàn thiện các CSDL, hệ thống thông tin (HTTT) quốc gia, quan trọng ngành tài nguyên và môi trường, đảm bảo dữ liệu được cập nhật đến năm 2025.

- Xây dựng CSDL đất đai cấp Trung ương

Xây dựng, hoàn thiện các CSDL, HTTT đất đai do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý vào CSDL đất đai quốc gia, bao gồm: (i) CSDL điều tra, đánh giá đất đai; (ii) Xây dựng CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp vùng và cả nước; (iii) Xây dựng CSDL giá đất ở Trung ương; (iv) Xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê đất đai cấp vùng và cả nước; (v) Xây dựng CSDL khác liên quan đến đất đai.

- Lĩnh vực khí tượng thủy văn

+ Xây dựng danh mục dữ liệu chủ và Xây dựng, thiết kế cấu trúc dữ liệu chi tiết cho CSDL khí tượng thủy văn quốc gia.

+ Xây dựng CSDL quản lý tài liệu khí tượng thủy văn điện tử (tạo lập nội dung thông tin, tài liệu, dữ liệu của lĩnh vực khí tượng thủy văn).

- Lĩnh vực môi trường

Xây dựng phần mềm tích hợp, chia sẻ dữ liệu lĩnh vực môi trường lên HTTT, CSDL tài nguyên và môi trường.

- Lĩnh vực địa chất và khoáng sản

+ Xây dựng CSDL từ điển thuật ngữ dùng chung phục vụ cho công tác chuẩn hoá, xây dựng, cập nhật dữ liệu.

+ Xây dựng CSDL nền địa chất quốc gia, tỷ lệ 1:1.000.000 và 1:500.000.

+ Xây dựng CSDL công tác thi công công trình (lỗ khoan, hào, giếng, lò).

+ Xây dựng CSDL địa vật lý (địa chấn, bay đo, karota).

+ Xây dựng CSDL nền địa chất tỷ lệ 1:50.000 và các bản đồ chuyên đề (sinh khoáng, địa hóa, địa mạo...).

+ Chuyển đổi, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa chất tỷ lệ 1:250.000.

+ Xây dựng CSDL mẫu vật và bảo tàng địa chất.

+ Xây dựng CSDL tai biến địa chất, địa chất môi trường.

+ Xây dựng CSDL di sản địa chất, công viên địa chất.

- + Xây dựng CSDL địa chất công trình - địa chất thủy văn.
- + Xây dựng CSDL báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản.
- + Xây dựng CSDL hồ sơ khai thác khoáng sản.
- + Xây dựng CSDL hồ sơ cấp phép thăm dò khoáng sản.
- + Chuyển đổi CSDL tính tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước và tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.
- Lĩnh vực tổng hợp tài nguyên môi trường biển và hải đảo:

Xây dựng, hoàn thiện 14 CSDL về biển và hải đảo, bao gồm: CSDL địa hình đáy biển; CSDL ranh giới biển Việt Nam; CSDL khí tượng thủy văn biển; CSDL địa chất khoáng sản biển; CSDL dầu khí; CSDL môi trường biển; CSDL tài nguyên đất ven biển và hải đảo Việt Nam; CSDL tài nguyên nước vùng ven biển và đảo Việt Nam; CSDL ảnh vệ tinh phục vụ quan trắc và giám sát tài nguyên môi trường biển; CSDL các điều kiện tự nhiên, tài nguyên vị thế, kỳ quan sinh thái biển; CSDL đa dạng sinh học và nguồn lợi thủy, hải sản vùng biển Việt Nam; CSDL phục vụ các nhiệm vụ kinh tế kỹ thuật và quốc phòng an ninh trên biển và thềm lục địa Việt Nam; CSDL về hệ thống các cửa sông và hệ thống đê biển; CSDL tổng hợp với các bộ dữ liệu về kinh tế xã hội; thiên tai biển; giao thông vận tải biển và dữ liệu về các đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học công nghệ biển.

- Lĩnh vực tài nguyên nước
- + Xây dựng hoàn thiện CSDL và HTTT giám sát tài nguyên nước.
- + Triển khai tích hợp các CSDL tài nguyên nước khác đang được xây dựng vào hệ thống CSDL tài nguyên và môi trường.

- Lĩnh vực viễn thám

Xây dựng, hoàn thiện bổ sung và chuyển đổi các CSDL, HTTT vào Hệ thống CSDL tài nguyên và môi trường: CSDL siêu dữ liệu viễn thám quốc gia; CSDL nền phục vụ kiểm kê khí nhà kính; CSDL giám sát tài nguyên - môi trường biển, hải đảo bằng công nghệ viễn thám; CSDL theo dõi biến động nguồn nước, các hoạt động khai thác, sử dụng nước ở ngoài biên giới phía thượng nguồn lưu vực sông Hồng, sông Mê Công; HTTT đa thời gian về đất ngập nước và khu bảo tồn thiên nhiên bằng công nghệ viễn thám phục vụ công tác bảo tồn đa dạng sinh học.

- Lĩnh vực biến đổi khí hậu

Triển khai tích hợp, chia sẻ các CSDL chuyên ngành: CSDL về thiên tai khí hậu; CSDL về kịch bản nước biển dâng, ứng phó với biến đổi khí hậu; CSDL giám sát về biến đổi khí hậu; CSDL về biến đổi khí hậu.

- Thiết lập, triển khai kho dữ liệu lớn cho các lĩnh vực: môi trường, địa chất và khoáng sản, tổng hợp tài nguyên môi trường biển và hải đảo, Tài nguyên nước, viễn thám, biến đổi khí hậu.

5.4. Xây dựng các nền tảng, hạ tầng quản trị, thu thập dữ liệu tài nguyên môi trường

- Xây dựng nền tảng quản trị, thu thập dữ liệu tại Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- + Hạ tầng công nghệ thông tin và nền tảng quản trị CSDL tài nguyên và môi trường.

- + Thiết lập nền tảng quản trị dữ liệu tài nguyên và môi trường.

- + Xây dựng phần mềm thu thập, tích hợp dữ liệu tài nguyên và môi trường cho các lĩnh vực khí tượng thủy văn, địa chất và khoáng sản, bao gồm: (i) phần mềm tự động chuyển đổi, chuẩn hoá nguồn dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn vào CSDL khí tượng thủy văn; (ii) phần mềm kiểm tra chất lượng số liệu quan trắc của trạm khí tượng thủy văn tự động và đánh giá chất lượng bản tin thủy văn, hải văn; (iii) hệ thống thu nhận từ bộ, ngành, địa phương và các trạm chuyên dùng khí tượng thủy văn; (iv) phần mềm thu nhận, quản lý và tích hợp, chia sẻ dữ liệu địa chất và khoáng sản.

- + Xây dựng phần mềm quản lý danh mục điện tử dùng chung ngành tài nguyên và môi trường.

- Đầu tư thiết bị và phần mềm thiết lập nền tảng quản trị dữ liệu tại trung tâm dữ liệu của Tổng cục Khí tượng thủy văn

- + Xây dựng, triển khai mô hình CSDL ứng dụng công nghệ Big Data tại Trung tâm dữ liệu tại Tổng cục Khí tượng thủy văn.

- + Đầu tư trang thiết bị đảm bảo an toàn thông tin tại Trung tâm dữ liệu tại Tổng cục Khí tượng thủy văn.

- + Đầu tư trang thiết bị chuyên dụng phục vụ lưu trữ, số hóa.

5.5. Hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ, kết nối dữ liệu tài nguyên và môi trường với các bộ, ngành, địa phương trên cơ sở nâng cấp nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường đồng bộ với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia

- Xây dựng dịch vụ tích hợp dữ liệu cho cổng dữ liệu/dữ liệu mở ngành tài nguyên và môi trường.

- Xây dựng Cổng dữ liệu, Cổng dữ liệu mở về tài nguyên và môi trường.

5.6. Các hoạt động đào tạo, truyền thông phục vụ dự án

- Tổ chức các khóa đào tạo nâng cao năng lực trên cơ sở các giải pháp công nghệ được đầu tư trong phạm vi dự án.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức về khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường.

6. Địa điểm đầu tư:

Trụ sở cơ quan Bộ Tài nguyên và Môi trường và trụ sở các đơn vị trực thuộc.

7. Thiết kế cơ sở: Theo nội dung thiết kế cơ sở đã được Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường thẩm định tại Báo cáo thẩm định số 05/BC-CDS ngày 17 tháng 3 năm 2023.

a. Giải pháp thiết kế cơ sở cần tuân thủ:

- Giải pháp thiết kế cơ sở, danh mục thiết bị đầu tư Hệ thống thông tin đất đai quốc gia; hạ tầng số, kết nối, an toàn thông tin cho CSDL đất đai quốc gia tập trung, thống nhất.

- Giải pháp thiết kế cơ sở, danh mục thiết bị đầu tư xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu, HTTT quốc gia, quan trọng ngành tài nguyên và môi trường, đảm bảo dữ liệu được cập nhật đến năm 2025.

- Giải pháp thiết kế cơ sở, danh mục thiết bị đầu tư các nền tảng, hạ tầng quản trị, thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường.

- Giải pháp thiết kế cơ sở, danh mục thiết bị hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ, kết nối dữ liệu tài nguyên và môi trường với các bộ, ngành, địa phương trên cơ sở nâng cấp nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường đồng bộ với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

b. Giải pháp thiết kế cơ sở cho phép chủ đầu tư được thay đổi trong bước thiết kế tiếp theo:

- Đối với trang thiết bị phần cứng, phần mềm thương mại: Các yêu cầu về tính năng kỹ thuật có thể được thay đổi bảo đảm hiện đại hơn, tính năng kỹ thuật tốt hơn nhưng không thay đổi về chi phí tổng mức đầu tư.

- Đối với phần mềm nội bộ: có thể thay đổi một số chức năng, giao dịch của chức năng trong bước thiết kế tiếp theo trên cơ sở rà soát, đánh giá các chức năng theo nguyên tắc các phần mềm vẫn đảm bảo mục tiêu, yêu cầu đặt ra đồng thời nâng cao hiệu quả trong sử dụng.

8. Tổng mức đầu tư của dự án: 789.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm tám mươi chín tỷ đồng*).

Trong đó:

- Chi phí thiết bị	694.808.725.000	đồng.
- Chi phí quản lý dự án	3.559.294.000	đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư	11.017.351.000	đồng.
- Chi phí khác	27.781.630.000	đồng.
- Chi phí dự phòng	51.833.000.000	đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

9. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến phân bổ nguồn vốn theo tiến độ:

- Nguồn vốn: Vốn đầu tư công thuộc nguồn ngân sách trung ương.

- Phân bổ nguồn vốn theo tiến độ:

+ Năm 2021: 850 triệu đồng vốn chuẩn bị đầu tư.

+ Giai đoạn 2023 - 2025: Dự kiến 647.088 triệu đồng vốn thực hiện Dự án.

+ Giai đoạn 2026 - 2030: Dự kiến 141.062 triệu đồng vốn thực hiện Dự án.

10. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý Dự án.

11. Thời gian thực hiện dự án: 2023-2026.

12. Đơn vị tiếp nhận và quản lý vận hành, khai thác sản phẩm của Dự án: Theo mục VII, Báo cáo nghiên cứu khả thi kèm theo Tờ trình số 09/TTr-CNTT ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường.

Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường chủ trì, Tổng cục Khí tượng thủy văn, các Cục quản lý lĩnh vực có trách nhiệm phối hợp với đơn vị chủ trì lập phương án duy trì vận hành HTTT/CSDL tài nguyên và môi trường, Hệ thống thông tin đất đai quốc gia trình Bộ xem xét, quyết định trước khi đưa vào vận hành, khai thác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai chịu trách nhiệm: Xây dựng các yêu cầu nghiệp vụ, kỹ thuật Hệ thống thông tin đất đai quốc gia, CSDL đất đai cấp Trung ương; Đôn đốc, kiểm tra công tác xây dựng, tích hợp dữ liệu đất đai các tỉnh/thành phố vào CSDL đất đai quốc gia để Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư theo quy mô đầu tư tại mục 5.2, Điều 1, Quyết định này.

2. Tổng cục Khí tượng thủy văn chịu trách nhiệm: Xây dựng các yêu cầu nghiệp vụ, kỹ thuật HTTT khí tượng thủy văn để Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư HTTT khí tượng thủy văn.

3. Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai, Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất, Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học, Cục Quản lý tài nguyên nước, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Viễn thám quốc gia, Cục Biến đổi khí hậu, Cục Địa chất Việt Nam, Cục Khoáng sản Việt Nam chịu trách nhiệm: Xây dựng các yêu cầu nghiệp vụ, kỹ thuật hoàn thiện CSDL của lĩnh vực phụ trách để Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư theo quy mô đầu tư tại mục 5.3, Điều 1, Quyết định này; phối hợp với Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư theo quy mô đầu tư tại mục 5, Điều 1, Quyết định này.

4. Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường có trách nhiệm tiếp nhận tài liệu của các đơn vị nêu tại các mục 1, 2, 3 Điều này, thực hiện phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; mua sắm thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn, định mức, tiết kiệm, hiệu quả; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng về nội dung và dự toán, hiệu quả, tính bền vững của Dự án, mối liên kết giữa Dự án và các dự án ngành công nghệ thông tin trong kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và các dự án khác có liên quan của Bộ Tài nguyên và Môi trường,

đảm bảo có sự kế thừa, không chồng chéo, trùng lặp, tránh lãng phí; tổ chức lựa chọn đơn vị thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, không để thất thoát lãng phí.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường, Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng thủy văn, Cục trưởng các Cục: Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai; Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất; Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học; Quản lý tài nguyên nước; Biển và Hải đảo Việt Nam; Viễn thám quốc gia; Biến đổi khí hậu; Địa chất Việt Nam; Khoáng sản Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- Lưu: VT, KHTC, LHa.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Quý Kiên

Phụ lục. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-BTNMT ngày.....tháng.....năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Giá trị
I	CHI PHÍ THIẾT BỊ	694.808.725.000
1	Xây dựng MPLIS; hạ tầng số, kết nối, an toàn thông tin cho CSDL đất đai quốc gia tập trung, thống nhất	458.827.659.000
1.1	<i>Xây dựng MPLIS</i>	93.190.867.000
1.2	<i>Triển khai kết nối, tích hợp CSDL đất đai ở địa phương vào CSDL đất đai quốc gia</i>	26.951.687.000
1.3	<i>Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin bảo đảm quản trị, vận hành hệ thống CSDL đất đai quốc gia tập trung, thống nhất trên phạm vi cả nước bảo đảm an toàn thông tin cấp độ 4</i>	302.207.291.000
1.4	<i>Đào tạo, chuyển giao công nghệ về quản trị, vận hành MPLIS</i>	36.477.815.000
2	Xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quốc gia, quan trọng ngành tài nguyên và môi trường, đảm bảo dữ liệu được cập nhật đến năm 2025.	106.716.759.000
2.1	<i>Xây dựng CSDL đất đai cấp Trung ương</i>	21.408.028.000
2.2	<i>Lĩnh vực Khí tượng thủy văn</i>	29.903.127.000
2.3	<i>Lĩnh vực Môi trường</i>	3.666.090.000
2.4	<i>Lĩnh vực Địa chất và khoáng sản</i>	29.832.763.000
2.5	<i>Lĩnh vực tổng hợp TNMT Biển và hải đảo</i>	5.680.017.000
2.6	<i>Lĩnh vực Tài nguyên nước</i>	3.850.000.000
2.7	<i>Lĩnh vực Viễn thám</i>	6.416.734.000
2.8	<i>Lĩnh vực Biến đổi khí hậu</i>	660.000.000
2.9	<i>Thiết lập, triển khai kho dữ liệu lớn cho các lĩnh vực</i>	5.300.000.000
-	Xây dựng các nền tảng, hạ tầng quản trị, thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường	125.718.282.000
-	<i>Đầu tư thiết bị và phần mềm thiết lập nền tảng quản trị, thu thập dữ liệu tại Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>	90.619.730.000
-	<i>Đầu tư thiết bị và phần mềm thiết lập nền tảng quản trị dữ liệu tại Trung tâm Dữ liệu khí tượng thủy văn</i>	35.098.552.000
3	Hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ, kết nối dữ liệu tài nguyên và môi trường với các bộ, ngành, địa phương trên cơ sở nâng cấp nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường đồng bộ với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia	3.546.025.000

TT	Nội dung	Giá trị
3.1	<i>Xây dựng dịch vụ tích hợp, tổng hợp dữ liệu cho công dữ liệu/dữ liệu mở ngành tài nguyên và môi trường</i>	2.000.000.000
3.2	<i>Xây dựng công dữ liệu và dữ liệu mở ngành tài nguyên và môi trường</i>	1.546.025.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	3.559.294.000
1	Chi phí quản lý dự án giai đoạn chuẩn bị đầu tư	90.000.000
2	Chi phí quản lý dự án giai đoạn thực hiện đầu tư và kết thúc đầu tư	3.469.294.000
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ	11.017.351.000
1	Chi phí khảo sát phục vụ lập dự án	41.000.000
2	Chi phí lập dự án đầu tư	939.000.000
3	Chi phí thiết kế chi tiết và dự toán	5.069.329.000
4	Chi phí thẩm tra thiết kế chi tiết	70.732.000
5	Chi phí thẩm tra dự toán	59.527.000
6	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu	1.453.895.000
7	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	726.947.000
8	Chi phí giám sát thi công	2.656.921.000
IV	CHI PHÍ KHÁC	27.781.630.000
1	Chi phí kiểm toán	871.693.000
2	Phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	275.291.000
3	Xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý phục vụ thu nhận, tạo lập, quản lý, kết nối, chia sẻ toàn diện nguồn tài nguyên số về tài nguyên và môi trường	6.348.125.000
4	Các hoạt động đào tạo, truyền thông phục vụ dự án	1.964.078.000
5	Kiểm thử phần mềm nội bộ	6.032.248.000
6	Đánh giá an toàn thông tin HTTT đất đai quốc gia	5.464.800.000
7	Đánh giá an toàn thông tin cho các HTTT, CSDL tài nguyên và môi trường	3.084.400.000
8	Chi phí thẩm định giá trang thiết bị, phần mềm thương mại	3.740.995.000
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	51.833.000.000
	TỔNG CỘNG	789.000.000.000